

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính
các lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải
quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 205/TTr-SNN ngày 21/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ *(Chi tiết tại Danh mục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, cụ thể: Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện; Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành,

thị; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CÁC LĨNH VỰC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

*TTHC: Thủ tục hành chính;
DVC TT: Dịch vụ công trực tuyến.*

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn					
1	Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó: - Phòng Nông nghiệp thành lập hội đồng, tổ chức thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - UBND cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	3	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó:	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND	Không quy định	3	Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
	tỉnh	- UBND cấp huyện (nơi đi) tổ chức thẩm định hồ sơ, ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của UBND cấp xã; - UBND cấp huyện (nơi đến) tổ chức thẩm tra địa bàn nhân dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp huyện (nơi đi)	cấp huyện (nơi đi) 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			nông thôn quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ
3	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ UBND cấp huyện thẩm định hồ sơ, ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	3	1. Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 – 2015 và định hướng đến năm 2020;

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
						2. Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
II Lĩnh vực Lâm nghiệp						
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó: - Phòng chức năng thuộc UBND cấp huyện tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	3	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ trình của phòng chức năng thuộc UBND cấp huyện.				
III Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường và Khuyến nông						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>* Lưu ý:</i> - Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông cấp huyện: trước ngày 30/9 hằng năm; - Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông cấp huyện tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí và trình UBND cấp huyện trước ngày 15/11 hằng năm; - UBND cấp huyện hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc do huyện phân công phê duyệt kế hoạch khuyến nông trước ngày 30/11/ hằng năm và công bố theo quy định.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	4	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông
IV Lĩnh vực Thủy lợi						

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	2	1. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; 2. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; 3. Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, kiểm tra thực tế hiện trường (khi cần thiết), hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	2	1. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cơ quan tiếp nhận	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND	Không quy định	4	1. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
	thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	hồ sơ tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	4	1. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	2	1. Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; 2. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
V	Lĩnh vực Thủy sản					
1	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<i>* Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;</i> <i>* Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</i> - Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	2	1. Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; 2. Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Công nhận và giao quyền quản	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và	Không quy định	2	1. Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
	lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			2. Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
VI Lĩnh vực quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản						
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản	<i>* Trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ hợp lệ.</i> <i>* Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	* Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở. * Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm:	2	1. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 2. Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				350.000đ/cơ sở.		thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. 3. Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; 4. Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm cho các Sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra hồ sơ, xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận ATTP.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	* Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000	4	1. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
	nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)			đ/cơ sở. * Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.		2. Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. 3. Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; 4. Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm cho các Sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực	* Trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	* Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn	2	1. Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
	phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	lệ * Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	2. Trực tuyến: http://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở. * Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000đ/cơ sở.		thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 2. Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. 3. Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; 4. Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm cho các Sở

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
						và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.